

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672014 - Cơ lý thuyết 1

STC : 2(30,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Võ Nhật	Nam	3771020614	26/08/1992	,50	,00	,20	
2	Trương Ngọc	Toàn	3771020619	09/07/1995	,00			
3	Phạm Quốc	Việt	3771020622	08/06/1994	,00	,00	,00	
4	Hồ Tấn	Vinh	3771020623	14/01/1995	3,00	,00	,90	
5	Nguyễn Thế	Phong	3771020624	02/02/1995	,00	,00	,00	
6	Nguyễn Văn	Thức	3771020626	12/04/1994	,00	,00	,00	
7	Hồ Công	Khanh	3771020628	05/03/1995	4,00	2,30	2,80	
8	Nguyễn Trần Thành	Nguyên	3771020629	31/07/1995	,00			
9	Nguyễn Cao	Đắc	3771020630	01/01/1994	1,00	,00	,30	
10	Nguyễn Khắc	Hùng	3771020633	20/02/1995	8,00	,80	3,00	
11	Trần Quốc	Cường	3771020634	16/02/1995	5,00	,00	1,50	
12	Đặng Văn	Mẫu	3771020637	10/02/1992	2,00	1,00	1,30	
13	Bùi Bảo	Sơn	3771020638	08/05/1994	2,00	,00	,60	
14	Tăng Thanh	Quân	3771020640	02/08/1994	,50	2,50	1,90	
15	Huỳnh Công	Danh	3771020647	02/04/1995	1,00	,00	,30	
16	Nguyễn Hoàng	Hạc	3771020649	27/07/1993	2,00	,80	1,20	
17	Nguyễn Ngọc	Tài	3771020650	01/02/1995	,00			
18	Đậu Đình	Huỳnh	3771020656	12/12/1995	,50	,00	,20	
19	Hoàng Văn	Sơn	3771020663	06/07/1994	,00	,00	,00	
20	Nguyễn Văn	Nam	3771020664	08/05/1994	2,00	,00	,60	
21	Mai Thiều	Huy	3771020665	04/03/1992	1,00	,00	,30	
22	Nguyễn Đức	Phúc	3771020669	30/09/1990	9,00	5,00	6,20	
23	Lê Xuân	Nguyên	3771020670	13/04/1995	,50	,00	,20	
24	Nguyễn Quang	Thống	3771020671	27/09/1995	,50	2,30	1,80	
25	Nguyễn Trọng	Kha	3771020674	05/01/1995	1,50	,00	,50	
26	Phạm Văn	Công	3771020675	13/03/1995	,50	,00	,20	
27	Đoàn Văn	Hiếu	3771020681	06/01/1994	4,00	6,50	5,80	
28	Huỳnh Anh	Vũ	3771020682	23/03/1994	5,00	1,80	2,80	
29	Võ Thành	Mỹ	3771020686	20/02/1994	,00			
30	Nguyễn Thanh	Tân	3771020687	28/10/1994	5,00	5,50	5,40	
31	Trương Minh	Tâm	3771020689	10/05/1995	,00			
32	Võ Minh	Quân	3771020693	01/04/1994	,00			
33	Nguyễn Văn	Tài	3771020695	12/02/1993	3,00	,00	,90	
34	Bá Quốc	Khánh	3771021086	02/09/1993	,50	,00	,20	
35	Trần Văn	Thịnh	3771021150	01/03/1995	4,00	1,50	2,30	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Võ Văn	Nam	3771021189	14/10/1995	2,00	1,00	1,30	
37	Đỗ Hiệp	Phát	3771021201	28/10/1995	6,00	4,00	4,60	
38	Phan Thanh	Phong	3771021205	29/12/1994	7,00	,80	2,70	
39	Nguyễn Ngọc	Trình	3771021233	10/02/1995	1,00	3,00	2,40	
40	Nguyễn Đức	Tiền	3771021245	02/02/1995	1,00	,50	,70	
41	Đặng Xuân	Hiệp	3771021252	19/01/1995	1,00	,00	,30	
42	Lê Văn	Thảo	3771021274	17/02/1992	,50	,80	,70	
43	Nguyễn Thanh	Xuân	3771021285	18/04/1995	,00			
44	Lê Duy	Linh	3771021316	01/06/1995	6,00	1,80	3,10	
45	Võ Duy	Thanh	3771021323	17/03/1995	4,00	,00	1,20	
46	Võ Thanh	Ngọc	3771021343	15/10/1995	2,00			
47	Lê Văn	Sơn	3771021354	20/09/1994	2,00	,00	,60	
48	Nguyễn Văn	Bình	3771021355	02/06/1990	3,00	4,30	3,90	
49	Trần Văn	Vũ	3771021397	07/04/1995	1,00			
50	Nguyễn Ngọc	Linh	3771021415	13/05/1995	3,00	,00	,90	
51	Trần Quang	Bảo	3771050401	25/05/1994	6,00	2,30	3,40	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)